

# Đình Minh Hương Gia Thạnh

Lâm Vĩnh Thế  
Đại Học Saskatchewan  
Canada

Đình Minh Hương Gia Thạnh, tọa lạc tại số 380 đường Trần Hưng Đạo B, quận 5, Chợ Lớn, đã được "Bộ Văn Hóa ra quyết định số 43-VH/QĐ ngày 7-1-1993 công nhận là Di tích kiến trúc-nghệ thuật" [1]. Đây là một trong những ngôi đình lâu đời nhất của vùng Saigon-Chợ Lớn, do người Minh Hương (người Việt gốc Hoa mà tổ phụ là những người Hoa đã sang định cư tại Việt Nam từ cuối thế kỷ 17, sau khi nhà Minh sụp đổ) xây dựng từ năm 1789. Bài viết này cố gắng ghi lại những nét chính về lịch sử cũng như kiến trúc và nội dung thờ phượng của ngôi đình quan trọng này.

## Vài Nét Về Người Minh Hương và Hôi Minh Hương Gia Thạnh

Trước hết, người Minh Hương không phải là người Hoa mà là người Việt gốc Hoa. Họ cũng không phải thuộc vào nhóm người lai hai dòng máu Hoa và Việt mà ta có thể gặp bất cứ nơi nào trên lãnh thổ Việt Nam. Người Minh Hương, mặc dù có nguồn gốc từ Trung Hoa, đã là người Việt Nam từ gần hai trăm năm nay. Về mọi mặt, từ ngôn ngữ, y phục, đến phong tục tập quán, họ đã hoàn toàn đồng hóa với người Việt. Chỉ khác một điều: họ vẫn nhớ đến nguồn gốc thân dân nhà Minh (1368-1644) của tổ tiên họ. Chính vì thế họ đã dùng hai chữ Minh Hương để tự gọi mình: Minh để chỉ nhà Minh, Hương là hương hỏa, ý nói họ tiếp tục lo phần hương hỏa cho nhà Minh. Sau đây là một vài nét về lịch sử định cư của người Minh Hương tại Việt Nam.

Năm Kỷ Mùi (1679), hai vị Tổng binh cựu thần nhà Minh là Dương Ngạn Địch và Trần Thượng Xuyên, không chịu thần phục nhà Thanh (1644-1911), đã mang 50 chiến thuyền với khoảng 3000 binh sĩ và gia đình, sang Việt Nam, xin hàng phục Chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Vị Chúa Nguyễn lúc bấy giờ là Chúa Hiền (Hiền Vương) Nguyễn Phúc Tần (1620-1687). "Ngài vỗ về an ủi và cho vào trấn đóng tại Đông Phố (tức Gia Định), ngài ban cho chức tước, cấp phương tiện cày cấy để mở mang đất đai. Dương Ngạn Địch vào khai khẩn vùng Mỹ Tho, Trần Thượng Xuyên vào khai khẩn vùng Biên Hòa. Chẳng bao lâu Đông Phố trở thành miền đất trù phú, thương thuyền ngoại quốc đến buôn bán tập nập" [2].

Trong thời gian chiến tranh giữa Tây Sơn và Chúa Nguyễn, đại bộ phận người Minh Hương đã đứng về phía Chúa Nguyễn. Một số như Trịnh Hoài Đức và Ngô Nhơn Tịnh đã từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong chính quyền của Chúa Nguyễn ở Gia Định ngay trước khi Chúa Nguyễn diệt được Tây Sơn. "Đến năm Kỷ Dậu (1789), niên hiệu Chiêu Thống thứ tư, nhằm đời vua Lê M?n Hoàng đế, theo só tâu của vị đại thần con cháu nhà Minh qua trú ngụ nơi đất Việt Nam, thánh chỉ châu phê cho lập ra Minh Hương Xã, để thu thuế dân Minh Hương, rồi chuyển đệ lên quan trên." [3] Làng Minh Hương lúc đó không có phân định ranh giới như các làng khác vì người Minh Hương cư ngụ khắp nơi trong vùng đất mới này. Người Minh Hương được miễn làm trâu và khỏi đi lính. Người Minh Hương nếu phạm pháp sẽ do Minh Hương Xã phân xử. Mặc dù được ban cho đặc quyền như vậy, Minh Hương Xã rất nghiêm cẩn trong việc dạy dỗ dân, đã thông qua và ban hành một bản Khoán Ước gồm tất cả 40 điều, quy định rất rõ ràng về nhiệm vụ và quyền hạn của dân làng, của các chức sắc trong làng, cũng như cách đối xử giữa dân làng với nhau. Nhờ vậy dân làng Minh Hương nổi tiếng là sống rất thuận thảo với nhau. Trong dân gian Miền Nam thời đó đã truyền tụng câu ca dao như sau: "Gỏi chi ngon bằng gỏi tôm càng; Đố ai lịch sự bằng làng Minh Hương." [4] Tiếng tăm

này chắc chắn đã được truyền ra đến kinh đô Huế. Bằng chứng là năm Quý Hợi (1863), chính vua Tự Đức đã "có sắc tặng cho làng bốn chữ "Thiện Tục Khả Phong", khắc vô một tấm biển, sơn sơn thếp vàng, nay treo trước căn giữa Chánh điện." [5] (Xem Hình 3, Phần Phụ đính)

Sau gần một thế kỷ tồn tại, đến năm 1865, làng Minh Hương chính thức chấm dứt. Nam Kỳ lúc bấy giờ đã thuộc Pháp theo hòa ước Nhâm Tuất (1862) đã được ký kết giữa Đô Đốc Bonard và Đại Tá Palanca, đại diện cho Pháp và Tây Ban Nha với hai quan đại thần là Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp, đại diện cho triều đình nhà Nguyễn. Năm 1865, Thống Đốc Nam Kỳ lúc bấy giờ là Đô Đốc De La Grandière ban hành quyết định chấm dứt quy chế làng của Minh Hương Xã, với lý do là Sài Gòn và Chợ Lớn là châu thành, làng Minh Hương không còn có lý do tồn tại nữa, mà phải sáp nhập vào các hộ của châu thành. Sau mấy lần làm đơn xin lập lại làng và đều bị chính quyền Pháp bác bỏ, "ngày mùng 4 tháng 10 năm Đinh Mão (1867), quý Ông Võ Duy An, Nguyễn Tập Lễ, Vương Quan Dự, Trương Chí Hùng, Trần Ngươn Hựu, Trần Văn Kinh, và Lâm Quang Lộc, đồng đứng tên xin lập lại Minh Hương Gia Thạnh Hội để lo thờ phượng..." [6]. Kể từ đó không còn làng Minh Hương nữa, mà chỉ có Hội Minh Hương Gia Thạnh. Hội không có quyền thu thuế nữa, chỉ còn giữ việc cúng tế mà thôi. Đình Minh Hương Gia Thạnh không phải là nhà làng nữa mà trở thành nhà hương hỏa chung của tất cả hội viên. Dân Minh Hương sáp nhập vào các hộ tại các địa phương nơi họ cư trú và thật sự trở thành công dân Việt Nam. Họ nói tiếng Việt, mặc quốc phục (áo dài, khăn đóng) trong các dịp tế lễ, cho con cái học trường Việt, và hành xử hoàn toàn là một công dân Việt Nam.

Về mặt nhân sự, Hội viên gồm toàn con cháu dòng giống, cha truyền con nối, có khai sanh chánh thức, và phải làm đơn xin gia nhập Hội có kèm chữ ký của hai Hội viên chính thức làm chứng. Khi đơn được chấp thuận Hội sẽ cấp cho Hội viên mới (gọi là Hiệp Lý) một tờ cử bằng chữ Quốc ngữ và chữ Hán. Sau một thời gian, Hiệp Lý có thể ứng cử chức Phó Hội Đại Lao (thường gọi tắt là Phó Hội) lo việc công quả, cúng kiến trong Đình. Sau một năm công tác, Phó Hội sẽ tự động thăng lên Chánh Hội (hay cũng gọi là Chủ Hội). Sau một năm nữa thì thăng lên Hương Trưởng, được gia nhập Ban Trị Sự một khóa ba năm. Sau ba năm sẽ thăng lên Hương Trưởng Trị Sự. Chỉ có những Hương Trưởng Trị Sự mới được ra ứng cử chức Chánh Chủ Hội. Hiện nay, tổng số Hội viên gồm khoảng 400 gồm tất cả 25 cánh họ: Chung, Dương, Đặng, Đỗ, Huỳnh, Kha, Khưu, Khương, Lâm, Lê, Lý, Lưu, Mai, Ngủ, Nguyễn, Phan, Phùng, Quách, Tăng, Tân, Trần, Trình, Trương, Vương, Văn.

Về mặt tổ chức, Hội Minh Hương Gia Thạnh được điều hành bởi một Ban Trị Sự gồm các vị như sau: Chánh Chủ Hội, Phó Chủ Nhứt, Phó Chủ Nhì, Chánh Thủ Bồn, Phó Thủ Bồn, Chánh Từ Hàn, Phó Từ Hàn, Kiểm Soát, và một số các vị Hương Trưởng Trị Sự giúp việc và cố vấn.

### **Lịch Sử Đình Minh Hương Gia Thạnh**

Đình Minh Hương Gia Thạnh hiện nay chính là nhà làng của Minh Hương Xã được xây dựng ít lâu sau năm 1789 là năm mà Minh Hương Xã được sắc vua nhà Lê cho phép thành lập. Lúc mới đầu đây chỉ là mấy căn nhà dùng làm nơi làm việc cho làng. Đến năm Kỷ Hợi (1839), niên hiệu Minh Mạng thứ 20, làng Minh Hương mới xây cất đình trên miếng đất đó. Đình được tu bổ lần đầu vào năm Quý Dậu (1873), niên hiệu Tự Đức thứ 27. Đến năm Tân Sửu (1901), niên hiệu Thành Thái thứ 13, đình đã bị hư hại rất nhiều, Hội quyết định triệt hạ xuống hết và cất lại đình mới hoàn toàn. Một Ban Trị-sự được thành lập để lo việc xây cất ngôi đình mới và gồm có các vị sau đây:

- Đại-đồng-sư: Lâm Quang Kiển, Trần Hữu Định
- Chánh-tổng-lý: Lâm Tấn Tài, Lâm Quang Phát
- Phó-tổng-lý: Trần Hữu Phái, Quách Đăng Cang

- Hiệp-lý: Lưu Tân Tông, Trình Quang Mậu

- Phó-Hồi: Ngũ Vĩnh Võ

Từ đó đến nay cũng có qua thêm nhiều lần tu bổ, quan trọng nhất là vào năm 1962 (đại tu bổ chánh điện và cất lầu), nhưng nói chung vẫn còn giữ nguyên vẹn nét kiến trúc cơ bản của ngôi đình đã xây vào năm 19017. [7]

### **Kiến Trúc Đình Minh Hương Gia Thạnh**

Xây cất trên một diện tích 2.333 mét vuông, đình Minh Hương Gia Thạnh qua nhiều lần trùng tu nên kiến trúc và vật liệu có nhiều thay đổi. Nhìn chung toàn bộ kiến trúc đình mang màu sắc đặc biệt Trung Hoa, theo hình chữ Tam, các tầng mái lợp ngói âm dương chồng lên nhau, góc mái thẳng và gọn. Trên đỉnh của tầng mái lớn nhất (bên dưới nhất) có gắn hình "lưỡng long tranh châu", có hai lân châu hai bên đầu nóc tròn đồng. Đà hàng hiên và đà ngang theo kiến trúc Trung hoa, mỗi bên đầu máng gắn tượng sành ông mặt trời và bà mặt trăng. Diềm cửa sổ có song và lát gạch men Nhật. Hàng rào cổng sắt của đình làm theo kiểu Pháp. (Xem Hình 1)

Ở mặt tiền, có hàng rào khá đồ sộ gồm sáu cột gạch cao sơn trắng, 3 cửa sắt (một cửa chánh lớn ở giữa và hai cửa phụ nhỏ hơn ở hai bên) và các hàng song sắt sơn màu vàng. Trên hai cột trụ của cửa sắt chánh ở giữa có ghi đôi liên bằng chữ Hán như sau (đọc từ phải qua trái):

Gia Hiến Phục Chấn Cơ Quang Cựu

Thịnh Đức Trường Lưu Miếu Mạo Tân (Xem Hình 2)

Diễn Nôm:

Gia Tăng Văn Hiến, Chấn Hưng Nghiệp Xưa, Chính Trang Nền Tăng Cũ

Làm Thạnh Đức Độ, Chuyển Nối Lâu Dài, Xây Dựng Đền Miếu Mới

(Xin lưu ý đọc giá: Chữ 'Quang' dùng trong câu đầu đáng lẽ phải là chữ 'Quan = Cơ Quan' thì mới đúng).

Qua khỏi hàng rào là một sân ngắn tráng xi măng. Đứng ở giữa sân nhìn vào thì ngôi đình nằm ở giữa, hai bên có hai lối đi nhỏ có cửa, bên tay trái gọi là Tả Thanh Long, bên tay phải gọi là Hữu Bạch Hổ. Tả Thanh Long dẫn vào giếng và nhà bếp của đình. Hữu Bạch Hổ dẫn vào bên trong, bên tay trái là nhà giảng (về sau có xây thêm một tầng để làm Thư viện), bên tay phải là cửa vô Tri Từ. Bên cạnh đường Bạch Hổ có xây một cái miếu nhỏ thờ Bà Ngũ Hành.

Ở cuối sân có đặt hai chậu lớn trồng cây kiểng cắt tỉa rất khéo, rồi đến tam cấp bằng gạch. Trên tam cấp là một lần cổng nữa với hàng rào song sắt sơn màu vàng, với hai cột to bằng gỗ sơn màu đỏ đặt trên bệ gạch cao độ năm tấc. Khác với hàng rào bên ngoài, tại đây chỉ có một cổng vào mà thôi. Phía trên cổng có bảng nhỏ hình quả trám màu đỏ đề năm 1912 sơn màu vàng, ngay bên dưới là hàng chữ Hán cũng sơn màu vàng gắn trên bảng màu đỏ hình cánh cung:

Tuế Thứ Nhâm Tí Niên Trọng Thu Nguyệt Công Tạo (Xem Hình 4)

(Nghĩa: Xây cất vào tháng trọng Thu năm Nhâm Tí)

Cũng tại nơi cổng này, trên hàng rào song sắt bên phải có gắn một tấm bảng xác nhận tính cách di tích lịch sử văn hóa của ngôi đình, nội dung như sau:

**ĐÌNH MINH HƯƠNG GIA THẠNH**

Sáng Lập Năm 1789

Do "81" Vị Tổ Tiên Người Minh Hương Đóng Góp Và

Xây Dựng Phụng Cúng Những Vị Thánh Thần:

Trần Thượng Xuyên Nguyễn Hữu Cảnh

Trịnh Hoài Đức Ngô Nhân Tịnh

Được Công Nhận Di Tích Lịch Sử Văn Hóa

Ngày 7.1.1993 Do Con Cháu Hội Viên Phụng Cúng

Lập Ngày 25.3.1993 (Xem Hình 5)

Qua khỏi cổng này là một gian phòng trống gọi là Võ ca [8]. Nơi đây có treo rất nhiều bức hoành phi, thí dụ như:

Chí Thành Bất Tức = Lòng Thành Không Phai  
Dương Dương Tại Thượng = Rực Rỡ Nêu Cao  
Trạc Trạc Quyết Linh = Sáng Sủa Đoan Chắc  
Thân Tích Vô Cương = Thân Thương Vô Bờ (chỉ ơn vua)  
Thọ Tư Giới Phúc = Đón Nhận Ơn Dầy (chỉ vùng đất đang ở)  
Bảo Ngã Lê Dân = Bảo Vệ Dân Ta

Qua khỏi Võ ca là vào đến Chánh Điện. Chánh Điện là một gian phòng rất rộng, trần rất cao, và trần thiết rất lộng lẫy nhưng trang nghiêm. Đây là nơi thờ phượng chánh của ngôi Đình (nội dung thờ phượng sẽ trình bày trong phần kế tiếp). Chánh điện chia thành ba gian, ở trong cùng xây bệ cao lát gạch men xanh lá cây, trên bệ đặt khám thờ rất lớn, bao lam chạm trổ rất tinh vi. Ở gian giữa, khám thờ chạm rồng châu mặt trời, thờ bài vị sơn son thếp vàng, phía trên đề chữ triện "Long Phi". Đây là nơi thờ vua nhà Minh và thờ thần. Ngay trước khám thờ là bàn thờ cao bằng gỗ mun cẩn ốc xà cừ và chạm trổ tinh vi, trên bàn thờ là lư hương và chân đèn bằng đồng được đánh bóng sáng ngời. Hai bên bàn thờ là hai chiếc lọng to bằng gấm đỏ thêu chữ vàng. Trước bàn thờ là bộ ghế vọng gồm một bàn và năm ghế cũng bằng gỗ mun chạm trổ tinh vi. Bộ ghế này tuyệt đối không ai được ngồi lên. Hai bên bộ ghế vọng là giá binh khí, mỗi bên tám món binh khí bằng đồng có tra cán gỗ rất dài, dựng đứng cao hơn đầu người. Trên hai cột chánh tại đây có gắn đôi liễn bằng gỗ đen chữ thếp vàng. Đây là bút tích của ông Trịnh Hoài Đức tặng cho Làng Minh Hương Gia Thạnh:

**Minh** Đồng Nhật Nguyệt Diệu Nam Thiên, Phụng Chữ Tường Lân  
**Gia** Cẩm Tú

**Hương** Mãn Càn Khôn Linh Việt Địa, Long Bàn Hồ Cứ  
**Thạnh** Văn Chương

(Dịch nghĩaSáng cùng mặt trời, mặt trăng rực rỡ trời Nam, diềm lành phượng xoè lân múa tăng thêm vẻ gấm vóc

Mùi hương đầy trời đất thơm đất Việt, rồng chờ hổ phục thịnh văn chương)

Hai gian hai bên cũng có khám thờ và bàn thờ như gian ở giữa nhưng quy mô nhỏ hơn. Gian bên phải có khám thờ đề chữ triện "Tường Lân", thờ thái tử nhà Minh và hai vị võ tướng. Gian bên trái có khám thờ đề chữ triện "Thoại Phụng", thờ công chúa nhà Minh và hai vị văn thần. (Xem các hình 6, 8, 9, 10 và 11).

Đằng sau Chánh điện là một sân gạch khá rộng có đặt rất nhiều chậu kiểng. (Xem Hình 12). Qua khỏi sân gạch này là khu Tri từ hậu sở, dùng làm nơi hội họp, tiếp khách cũng như đãi tiệc trong các dịp lễ hội. Tại đây vẫn còn lưu giữ một cổ vật quý giá là cái đũa gang của Trung Hoa chế tạo từ đời vua Đạo Quang nhà Thanh (1842).

### **Nội Dung Thờ Phượng Bên Trong Đình Minh Hương Gia Thạnh Tại Chánh Điện**

Như ở trên đã nói, Hội Minh Hương Gia Thạnh được thành lập là để lo việc thờ phượng, đình Minh Hương Gia Thạnh trở thành nhà hương hỏa chung cho tất cả hội viên, nghĩa là nơi thờ phượng tổ tiên của hội viên, và, dĩ nhiên, cũng là nơi thờ phượng vua nhà Minh. Về sau, Ban Trị-sự Hội nghĩ rằng phàm là đình thì phải có thờ thần nên đã quyết định làm long vị để thờ thần.

Tại chánh điện, một bệ thờ xây đá men rất cao chạy ngang sát bức tường hậu đền, phía sau võ ca, chia làm 3 cung nghiêm (người Minh Hương gọi là 3 Thần lầu) để làm bàn thờ.

Tại Thần lầu chánh (ở giữa) có bảng ghi hai chữ "Long Phi" là nơi thờ vị Hoàng Đế cuối cùng của nhà Minh, đồng thời cũng là nơi thờ 4 vị thần là: Ngũ thổ tôn thần, Ngũ

cốc tôn thần, Đông trù tư mạng, và Bồn cảnh thành hoàng. Tại đây có đôi liễn thờ như sau:

**Vinh Tích Chung Dân Chi Sanh Duy Thổ Duy Cốc  
Vô Di Thiên Giám Sơ Đào Như Điển Như Lô**

(Dân sẵn ơn ban, đời sống cơm ăn đất ở  
Trời không để sót, đến đâu sấm dậy sét vang) [9]

Tại thần lầu bên phải, gọi là Chánh Đông, có bảng ghi hai chữ "Tường Lô" là nơi thờ Thái tử nhà Minh, đồng thời cũng là nơi thờ 2 võ quan là Chương Cơ Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh và vị Tổng Binh nhà Minh Trần Thắng Tài (tức là Trần Thượng Xuyên) với 2 long vị như sau:

**Thống xuất Lễ Thành Hầu hộ quốc tí dân, ách cảnh, uy viễn  
chiêu ứng Nguyễn Công Thượng Đẳng Thần**

(Thống xuất Lễ Thành Hầu giữ nước che dân, bảo vệ bờ cõi,  
uy danh rạng rỡ Nguyễn Công được truy phong Thượng Đẳng Thần) [10]

**Phụ quốc Đô đốc Tướng quân Thắng Tài Hầu, gia phong oai  
địch, chiêu đồng hiển linh, Trần Công Thượng Đẳng Thần**

(Phụ quốc Đô đốc Tướng quân Thắng Tài Hầu, chiến đấu dũng mãnh, địch phải sợ,  
Trần Công hiển linh Thượng Đẳng Thần)

Tại đây cũng có đôi liễn thờ, mô tả hành trạng của Tướng quân Trần Thắng Tài như sau:

**Sĩ tắc Bắc trào thần, cang thường trịnh trọng  
Ninh vi Nam quốc khách, trước bạch chiêu thù**

(tạm thích Nôm như sau:

Triều Bắc thẹn làm tôi, cang thường vẹn giữ

Nước Nam thà là khách, trước bạch rạng nêu) [11]

Tại thần lầu bên tả, gọi là Chánh Tây, có bảng ghi hai chữ "Thoại Phụng" là nơi thờ công chúa nhà Minh, và cũng là nơi thờ 2 vị văn quan người Minh Hương là ông Trịnh Hoài Đức [12] và ông Ngô Nhơn Tịnh [13] với 2 long vị như sau:

**Đặc Tấn Vinh Lộc Đại Phu, Hữu Trụ Quốc, Thiếu Bảo Cản  
Chánh Điện Đại Học Sĩ, Trịnh Văn Cách Công**

**Đặc Tấn Kim Tử Vinh Lộc Đại Phu, Chánh Trị Thượng Khanh,  
Công Bộ Thượng Thư, Ngô Túc Giảng Công**

Tại đây cũng có đôi liễn thờ, mô tả hành trạng của ông Trịnh Hoài Đức như sau:

**Yến Bắc Thượng Thư Hàm, Quang Phân Sở Bửu  
Việt Nam Hữu Trụ Quốc, Chủng Tiếp Châu Phan**

(tạm thích Nôm như sau:

Yến Bắc, Thượng Thư hàm, thẳng ngay chói rạng

Việt Nam, Hữu Trụ Quốc, trong sạch nơi gương) [14]

**Tại Tri Từ:**

Tri từ là phần phía sau Chánh điện. Nơi đây cũng chia làm 3 phần với các bàn thờ bố trí như sau:

- ở giữa: thờ các vị tiền bối đã khai sáng làng

- ở bên trái: thờ các vị chức sắc lớn (cùng với các vị phu nhơn) có công với làng và Hội ; ở đây cũng thờ hai ông bà Trương Công Sĩ, là ân nhân của Hội

- ở bên phải: thờ các vị chức sắc nhỏ (cùng với các bà nội trợ) có công với làng và Hội

### **Tại Miếu Bà Ngũ Hành:**

Trong Miếu Bà Ngũ Hành cũng có 3 Thần lầu như sau:

- ở giữa: có long vị ghi bốn chữ Ngũ Hành Nương Nương, phía trên có một cái cốt của Bà Chúa Thai Sanh, hai bên là hai cốt của hai Cô theo hầu Bà; phía dưới là 12 cốt của 12 Bà Mụ có bông con.

- ở bên trái: thờ Phúc Thần, có ghi bốn chữ "Phước Đức Chánh Thần"

- ở bên phải: thờ "Bạch mã Thái giám"

### **Những Ngày Lễ Hội Của Đình Minh Hương**

Hàng năm, theo thứ tự ngày tháng Âm Lịch, Đình Minh Hương Gia Thạnh lần lượt tổ chức cúng tế nhiều lần như sau:

- Tháng Giêng:

. Mừng Bày Tết: Cúng Xuân Thủ (đầu năm)

. Ngày 16: Cúng Kỳ Yên

- Tháng Ba: Ngày 19, cúng vía Bà

- Tháng Năm: Ngày 5, cúng Đ oan Ngọ

- Tháng Sáu: Ngày 29, cúng kỵ cơm cho ông Trương Công Sĩ, một ân nhân lớn của Hội

- Tháng Bảy:

. Ngày 11, cúng Tam Kế Hiền, ba vị Hội viên là các ông Vương Quan Trân, Kha Văn Lân và Khương Thành Nguyên đã đứng ra vay tiền để mua giùm cho Hội dây phở Tân Long

. Ngày 16: cúng kỵ cơm bà Trương Công Sĩ

- Tháng Tám: Ngày 15, Trung Thu

- Tháng Mười: Ngày 16, cúng Tạ Thần

- Tháng Mười Hai:

. Ngày 16: cúng Tạ Tĩnh

. Ngày 24: cúng Đưa Thần

. Ngày 25: cúng Tảo Mộ

. Ngày 28: cúng rước Ông Bà

. Đêm Giao Thừa: cúng Nghinh Thần

Trong các ngày lễ hội này, Lễ Kỳ Yên, vào ngày 16 Tháng Giêng, là quan trọng nhất. Từ ngày Mừng 9, các chức giáp đã tề tựu để lo việc quét đình, lau chùi bàn thờ, chuẩn bị mọi việc cho đến ngày Mười Bốn. Đến ngày Rằm thì lo trần thiết đình, chưng dọn các bàn thờ. Ban tế lễ gồm các thành phần như sau:

- Chánh tế: ba vị, Chánh Chủ Hội, một Hương Trưởng Trị Sự, và một Hương Trưởng

- Bồi Chánh: hai vị, Hương Thơ và Hương Lễ

- Bồi Đông: hai vị, hàng Thượng Niên Hội Lại

- Bồi Tây: hai vị, hàng Thượng Niên Tư Sự

- Đứng bang: mười hai vị, hàng Hiệp Lý

Ngày xưa, khi cúng Kỳ Yên thì lễ vật để tế phải có đủ bộ Tam Sanh, gồm một heo đực đen tuyền, một bò đực vàng tuyền, và một dê đực đen tuyền [15]. Vị Chánh tế phải mặc theo lối triều phục. Bây giờ lễ vật chỉ gồm hoa quả, bánh trái; các vị chánh tế chỉ mặc áo thụng xanh và khăn đóng xanh. Sau khi cúng thần xong thì tế miếu Bà Ngũ Hành.

### **Thay Lời Kết**

Đình Minh Hương Gia Thạnh, với cơ cấu kiến trúc hiện nay, đã tròn một trăm tuổi và đã được chính thức xếp hạng vào loại di tích lịch sử văn hoá. Tuy nhiên, với số hội viên

tương đối rất giới hạn, và khả năng tài chính eo hẹp của Hội Minh Hương Gia Thạnh, ngôi Đình này có nguy cơ bị xuống cấp. Mới đây người viết nhận được thư của một người bà con là một thành viên trong Ban Trị Sự của Hội Minh Hương Gia Thạnh. Trong thư người đó cho biết như sau: '*Do quỹ rất eo hẹp nên phải xây 2 căn phòng 2 bên mặt trước Đình để cho thuê, mỗi tháng được khoảng bốn triệu rưỡi, dùng để cúng kiến Thánh Thần và tổ tiên... Việc tu sửa thì không có tiền để làm, chỉ sửa chút ít để chống dột và trừ mối thôi. Về lâu sau này chắc sẽ xuống cấp lắm.*' Người viết ước mong sao những vị con cháu Minh Hương hiện đang sinh sống tại hải ngoại có thể cùng góp tay vào việc bảo vệ ngôi Đình lịch sử này.

### **Ghi Chú:**

1. *Từ điển Thánh phố Saigon - Hồ Chí Minh* / Thạch Phương, Lê Trung Hoa chủ biên. T/P HCM : Nhà Xuất Bản Trẻ, 2001. Tr. 675.
2. *Nguyễn Phúc tộc thế phả : thủy tổ phả, vương phả, đế phả* / Vĩnh Cao ... [và nhiều người khác] kính soạn. Huế : Nhà Xuất Bản Thuận Hóa, 1995. Tr. 132.
3. *Khoán ước và tiểu sử các vị tiền bối*. Chợ Lớn : Hội Minh Hương Gia Thạnh, 1951. Tr. 21.
4. Sơn Nam. *Đình miếu và lễ hội dân gian*. Đồng Tháp : Nhà Xuất Bản Đồng Tháp, 1994. Tr. 13.
5. *Khoán ước*, sđd, tr. 22.
6. *Khoán ước*, sđd, tr. 23.
7. *Khoán ước*, sđd, tr. [24].
8. Võ ca là một gian phòng trống, phần ngoài cùng của các ngôi đình ở Miền Nam Việt Nam, thường được dùng làm sân khấu hát bội trong các dịp lễ hội. Xem thêm tài liệu sau đây: Trương Ngọc Tường, *Đình miếu ở đồng bằng sông Cửu Long*, phụ lục trong sách đã dẫn của Sơn Nam, tr. 143-178.
9. *Khoán ước*, sđd, tr. 25.
10. Nguyễn Ngọc Hiền. *Lễ Thành Hào Nguyễn Hữu Cảnh 1650-1700 : với công cuộc khai sáng miền Nam nước Việt cuối thế kỷ 17*. Tái bản lần thứ hai. T/P HCM : Nhà Xuất Bản Văn Học, 1997. Tr. 175.
11. *Khoán ước*, sđd, tr. 26.
12. Ông Trịnh Hoài Đức (1765-1825) là một đại thần đời vua Gia Long. Tổ phụ của ông là Trịnh Hội, người tỉnh Phước Kiến, sang lập nghiệp ở Phú Xuân, sau dời vào Trấn Biên (Biên Hòa). Ông sinh năm 1765 tại Trấn Biên, học trò của danh sĩ Võ Trường Toản. Năm Mậu Thân (1788), Chúa Nguyễn Phúc Ánh mở khoa thi tại Gia Định để chọn nhân tài, ông thi đậu và được bổ làm Hàn Lâm Viện Chế Cáo, rồi sung chức Điền-tuần-quan trông coi việc khai khẩn đất đai tại Gia Định. Sau đó, ông lần lượt thăng cấp: Tri Huyện Tân Bình, Ký Lục dinh Trấn Định, Hữu-tham-tri Bộ Hộ. Sau khi vua Gia Long lên ngôi năm 1802, ông thăng Thượng-thợ, lần lượt nắm giữ các Bộ Hộ, Bộ Lễ, Bộ Lại và Bộ Hình, kiêm nhiệm Phó-Tổng-tài Quốc-sử-quán. Sau đó ông trở về Nam, hai lần giữ chức Hiệp-Tổng-trấn Gia-Định-Thành (1808-1812 và 1816-1820). Ngoài ra ông cũng nhiều lần sung chức Chánh sứ đi sứ sang Trung Hoa. Về mặt văn học, ông cùng một số bạn học (Lê Quang Định, Ngô Nhơn Tịnh) thành lập Bình Dương Thi Xã và nhóm Sơn Hội (gọi là Sơn Hội vì gồm nhiều vị mà tên tự hoặc hiệu có chữ Sơn, thí dụ, Trịnh Hoài Đức tự là Chỉ Sơn, Ngô Nhơn Tịnh tự là Nh? Sơn, Hoàng Ngọc Uẩn tự là Hối Sơn, Diệp Minh Phụng, hiệu là Kỳ Sơn) để xướng họa văn thơ với nhau. Ba vị Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định và Ngô Nhơn Tịnh được người đồng thời gọi là "Gia Định Tam Gia". Thơ văn của ba vị, về sau được ông Trịnh Hoài Đức góp thành một bộ để in, gọi là "Gia Định Tam Gia Thi Tập". Trịnh Hoài Đức cũng chính là người đã biên soạn bộ *Gia Định Thành Thông Chí* (1820) là một bộ địa-phương-chí rất quý về Miền Nam cách đây khoảng 200 năm. (Xem thêm: 1) Nguyễn Huyền Anh. *Việt Nam danh nhân từ điển*.

Saigon : Khai Trí, 1972. Tr. 596-597; 2) *Từ điển Thành phố Saigon - Hồ Chí Minh*. TP HCM : Trẻ, 2001. Tr. 259; 3) Hoài Anh. *Về đình Minh Hương Gia Thạnh & Bình Dương Thi Xã*, trong: *Sài Gòn xưa & nay*. TP HCM : Trẻ, 1998. Tr. 227-230).

13. Ông Ngô Nhơn Tịnh (?-1813) là một đại thần đời vua Gia Long. Ông cùng học danh sĩ Võ Trường Toản với Trịnh Hoài Đức, cùng ra giúp Chúa Nguyễn Phúc Ánh, sung chức Hàn lâm viện Thị độc, sau thăng Hữu-tham-tri Bộ Binh. Ông đi sứ sang Trung Hoa hai lần, một lần làm Phó sứ cho Trịnh Hoài Đức (1802). Năm 1807, ông làm Chánh sứ sang Chân Lạp để phong vương cho Nặc Ông Chân. Năm 1811, ông làm Hiệp Trấn Nghệ An. Năm 1812 ông thăng Thượng-thư Bộ Công, đồng thời sung chức Hiệp-Tổng-trấn Gia-Định-Thành. Về cuối đời ông bị vua Gia Long nghi ngờ nên buồn phiền mà mất. Về mặt văn học, ông là một vị trong Gia Định Tam Gia nổi tiếng đương thời. (Xem thêm: 1) Nguyễn Huyền Anh. *Việt Nam danh nhân từ điển*. Saigon : Khai Trí, 1972. Tr. 243-244; 2) *Từ điển Thành phố Saigon - Hồ Chí Minh*. TP HCM : Trẻ, 2001. Tr. 183).

14. *Khoán ước*, sđd, tr. 26.

15. *Khoán ước*, sđd, tr. 43.

## Phụ Đính

### Hình Ảnh Đình Minh Hương Gia Thạnh



Hình 1: Mặt Tiền Toàn Cảnh  
Đình Minh Hương Gia Thạnh



Hình 2: Cổng Chính Đình Minh Hương  
Gia Thạnh





LIENG4.JPG



CONGVUCA.JPG

Hình 3: Bức Liễn Thiện Tục Khả Phong

Hình 4: Cổng Vào Võ Ca



BANG1.JPG



BANTHO2.JPG

Hình 5: Bảng Công Nhận Di Tích Lịch Sử

Hình 6: Bàn Thờ Gian Bên Trái Chánh Điện



BANTHO3.JPG

Hình 8: Bàn Thờ Gian Giữa Chánh Điện



Hình 9: Giá Bình Khí Bên Trái Gian Giữa Chánh Điện



Hình 10: Giá Bình Khí Bên Phải Gian Giữa Chánh Điện



Hình 11: Bộ Ghế Vọng Gian Giữa Chánh Điện



Hình 12: Sân Trồng Hoa Giữa Chánh Điện và Trì Từ Hậu Sở